TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh H, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn 10, xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị M, sinh năm 1994; nơi thường trú: Thôn 10, xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2023 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, anh H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 39 ngày 04 tháng 12 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 10, xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn tới vợ chồng thường xảy ra va chạm, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh H và chị M có hai con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 25/5/2016 và Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/01/2019. Hiện hai con đang do anh H nuôi dưỡng, các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn anh đề nghị giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị để anh và chị M tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là chị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa anh H và chị M. Giao hai con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 25/5/2016 và Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/01/2019 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị M tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các

quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, chị M không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị M.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn tới vợ chồng thường xảy ra va chạm, xô xát, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn với chị M. Chị M không trình bày quan điểm thể hiện chưa thực sự quan tâm đến hôn nhân. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H với chị M.

[3] Về con chung: Anh H và chị M có hai con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 25/5/2016 và Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/01/2019. Khi ly hôn anh H đề nghị giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc hai con chung, hai con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường, con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh có nguyện vọng ở cùng cha, chị M hiện không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 25/5/2016 và Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/01/2019 cho anh

H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh H trình bày để tự thỏa thuận và chị M không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị M không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh H và chị M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh ngày 25/5/2016 và Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 25/01/2019 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008719 ngày 11 tháng 10 năm 2023. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị M không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Tuyến **Ngô Minh Tâm** **Lê Trung Hiếu**